

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-PT.

Ngày: 16/5/2022

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;

Ông Đặng Văn Quyết;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải– Kiểm sát viên.

Trong ngày 13-16/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLPT- DS ngày 22/6/2021 về việc tranh chấp: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2022/QĐ-PT ngày 30/3/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Khu Minh L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Tống Xuân A, sinh năm 1979. Theo Giấy ủy quyền ghi ngày 18/11/2020, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Khu Minh L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trần Thế T, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Khu Trường Ch, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1991.
Theo Giấy ủy quyền ghi ngày 25/11/2020, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Minh L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Luật sư Trần Văn A1 –
Văn phòng Luật sư Dân A1, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tống Xuân A, sinh năm 1979, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Khu Minh L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1980, vợ anh T, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Khu Trường Ch, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1958, (vắng mặt).

2. Anh Lê Xuân H, sinh năm 1984, (có mặt).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Khu Minh L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Ng do anh Tống Xuân A là chồng chị Ng là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Anh Trần Thế T là hàng xóm và đồng nghiệp với anh Tống Xuân A. Ngày 23/7/2018, anh T có vay của chị Ng 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để cho anh Phạm Đình Q là em trai của anh T mua nhà đất của vợ chồng ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1964, bà Bùi Thị Th, sinh năm 1971; cùng trú tại tổ dân phố Minh Khai, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh T đã viết và ký Giấy nhận nợ với chị Ng. Anh T có hẹn với chị Ng trong Giấy nhận nợ là khi anh Q được sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T sẽ trả tiền cho chị Ng.

Tuy nhiên, sau khi anh Q làm xong thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T vẫn không trả tiền cho chị Ng như hai bên đã thỏa thuận. Nay, chị Ng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả chị Ng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 10% /năm, tính từ ngày viết Giấy nhận nợ ngày 23/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Trần Thế T do anh Phạm Đình Q là em của anh T, là người đại diện theo ủy quyền của anh T đã trình bày: Do vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Bùi Thị Th có vay của chị Lê Thị Ng và vay của bà Lê Thị D (là mẹ đẻ chị Ng) tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng nhưng không có Giấy biên nhận nợ. Chị

Ng biết được là anh (Q) có nguyện vọng mua nhà và đất của vợ chồng ông L, bà Th nên chị Ng đã nhiều lần sang nhờ anh Trần Thế T (anh trai của anh) đứng ra nhận nợ thay cho vợ chồng ông L, bà Th thì chị Ng sẽ chỉ giúp địa chỉ nơi ở của ông L, bà Th (do vợ chồng ông L, bà Th đang đi trốn nợ ở Miền Nam) để anh (Q) có thể gặp được ông L, bà Th, để tiến hành ký Hợp đồng mua nhà của ông L, bà Th. Khi anh (Q) mua nhà đất của ông L, bà Th thì chị Ng sẽ ép vợ chồng ông L phải khấu trừ số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông L, bà Th còn nợ chị Ng và nợ bà D vào số tiền bán nhà. Anh T đã nhiều lần từ chối đề nghị của chị Ng, nhưng chiều ngày 23/7/2018, chị Ng chủ động gặp riêng anh T tại nhà của anh T. Lúc đó, anh T vừa đi ăn cỗ về nên anh T có sử dụng rượu. Chị Ng có nhờ anh T ký vào Giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Do chị Ng là hàng xóm với anh T nên anh T đã cả nể và cũng do anh T đã sử dụng rượu trước đó nên anh T không tỉnh táo. Anh T đã viết và ký vào Giấy nhận nợ theo đề nghị của chị Ng. Sau đó khoảng 16 - 15 giờ ngày 23/7/2018, anh T, anh Q, chị Ng cùng anh Tôn Văn H2 cán bộ UBND thị trấn Ch; anh Nguyễn Như H1 cán bộ UBND huyện L cùng 3 cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Chũ là bà Nguyễn Hải B, chị Phạm Thị U, anh Trần Mạnh Đ và chị Ng cùng đi xe ô tô ra gặp vợ chồng ông L, bà Th tại nhà của chị M ở Hà Nội (chị M là họ hàng của vợ chồng ông L, bà Th). Chị Ng là người dẫn đường và trực tiếp liên hệ với vợ chồng ông L. Khi đó vợ chồng ông L vừa bay từ trong Miền Nam ra đến nhà chị M để các bên giao kết Hợp đồng mua bán nhà đất của vợ chồng ông L ở Tổ dân phố Trường Ch, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong đó người nhận chuyển nhượng là anh Q; người chuyển nhượng là vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 con ông L, bà Th. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ có chữ ký của ông L, bà Th, chị H3 và anh Q và có nội dung: “Ngày 23/7/2018, vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 chuyển nhượng cho ông Phạm Đình Q quyền sử dụng của thửa đất số 508, tờ bản đồ số 05, diện tích 124m² tại khu Trường Ch, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang”.

Kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ là Giấy cam đoan, cam kết ghi hồi 20 giờ ngày 23/7/2018 có nội dung: “Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng QSDĐ và tài sản trên đất đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao tiền mặt xong với giá tiền do 2 bên thỏa thuận là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nhưng bên nhận chuyển nhượng phải có trách nhiệm trả nợ cho bên bán đất như sau:

- Trả nợ quỹ tín dụng nhân dân Ch: 900.000.000 đồng;
- Trả nợ bà Lê Thị D 150.000.000 đồng;

- Trả nợ bà Lê Thị Ng 1.250.000.000 đồng;

Tổng số tiền ông Q phải trả trả nợ hộ gia đình ông L là 2.300.000.000 đồng, (hai tỷ ba trăm triệu đồng chẵn).

Ông L phải cung cấp giấy tờ liên quan đến việc nợ tiền của QTD Chủ và 2 người chủ nợ (giấy viết tay vay tiền kèm theo).

Sau khi ông Q trả tiền cho ông L số tiền 2.300.000.000 đồng thì hộ ông L chỉ còn được nhận số tiền 200.000.000 đồng, (hai trăm triệu đồng)”.
Giấy cam kết có chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Như H1, ông Trần Mạnh Đ và bên bán, bên mua.

Do trước đó vợ chồng ông L thế chấp nhà đất này cho Quỹ tín dụng để cho chị H3 vay tiền nên sau khi anh Q trả tiền cho Quỹ tín dụng 900.000.000 đồng và nhận trả nợ cho chị Ng và bà D tổng số tiền 1.400.000.000 đồng thì anh Q chỉ phải trả cho vợ chồng ông L số tiền 200.000.000 đồng. Quỹ tín dụng đã lập Biên bản bàn giao Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông L, bà Th có nội dung: “Ông Q đã trả cho QTD số tiền gốc là 850.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/7/2018 là 5.610.000đ để trả nợ thay cho chị H3 nên chị H3 đã thực hiện nghĩa vụ xong đối với QTD nên QTD bàn giao Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông L bà Th cho ông L, bà Th”. Biên bản bàn giao Giấy chứng nhận QSDĐ có chữ ký của ông L, bà Th, anh Q và chữ ký của người làm chứng là ông H1. Sau đó ông L, bà Th đã viết Giấy giao nhà và bàn giao Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Q. Việc anh T đã nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng với điều kiện là anh Q được khấu trừ 1.400.000.000 đồng vào tiền mua nhà của vợ chồng ông L. Sau khi các bên ký kết Hợp đồng khoảng 3 ngày thì anh Q đưa cho anh T 300 triệu đồng để anh T trả cho chị Ng. Theo thỏa thuận đó thì anh Q vẫn còn phải cho chị Ng số tiền 100.000.000 triệu đồng. Chị Ng cũng đã trình bày tại Công an thị trấn Ch là: “Bà Th đã trả cho chị Ng số tiền 300.000.000 đồng chỉ còn nợ chị Ng 1.100.000.000 đồng. Do vợ chồng bà Th không có khả năng thanh toán tiền nên đã bán nhà cho anh Q và anh Q có trách nhiệm trả cho chị Ng số tiền mà vợ chồng bà Th còn nợ chị Ng là 1.100.000.000 đồng. Khi nào xong thủ tục chuyển nhượng căn nhà thì anh Q sẽ trả nốt cho chị Ng số tiền trên”. Mặc dù chị Ng trình bày như vậy nhưng thực tế là chị Ng nhận từ anh (Q) 300.000.000 đồng chứ không phải là chị Ng nhận của vợ chồng ông L, bà Th 300.000.000 đồng như chị Ng đã trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Lẽ ra anh Q là người phải viết Giấy nhận nợ với chị Ng nhưng do anh Q làm nghề tự do nên chị Ng không đồng ý cho anh Q ký Giấy nhận nợ mà chị Ng yêu

cầu anh T (khi đó là cán bộ Trung tâm Y tế huyện L) ký Giấy nhận nợ với chị Ng. Sau khi 2 bên thực hiện xong Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất một thời gian thì chị H3 có đơn tố cáo tới Công an huyện L về việc anh Q có hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức mua, bán (ghi) số lô, số đề giữa anh Q và chị H3 qua tin nhắn zalo vào tháng 7/2018, chị H3 còn tố giác anh Q có hành vi đe dọa ép buộc chị H3 và bố mẹ chị H3 ký vào Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất. Sau khi điều tra xác minh sự việc thì ngày 06/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L có kết luận số 60/KLĐT không khởi tố vụ án hình sự. Tháng 8/2018, ông L có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa các bên. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DSST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: *“Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa các bên là vô hiệu, buộc vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 phải trả cho anh Q 1.100.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh Q 865.912.500 đồng, tổng số tiền là: 1.965.912.500đ; buộc anh Q phải trả cho ông L Giấy chứng nhận QSDĐ”*. Sau khi xét xử, ông L và anh Q kháng cáo: Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 29/4/2020, anh Q và vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể là: Ông L, bà Th và chị H3 đồng ý chuyển nhượng nhà và đất cho anh Q với điều kiện là ông L, bà Th, chị H3 không phải trả cho anh Q tổng số tiền là: 1.965.912.500đ và anh Q phải trả thêm cho ông L số tiền là 1.650.000.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền của anh Q trả thì ông L sẽ rút đơn khởi kiện. Sau đó anh Q đã trả cho ông L số tiền 1.650.000.000đ. Ngày 29/4/2020, anh Q có đơn xin rút đơn kháng cáo; ông L có đơn xin rút đơn kháng cáo và xin rút đơn khởi kiện. Ngày 06/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2020/QĐ-PT. Như vậy việc anh T nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng là để anh Q được khấu trừ số tiền trên vào số tiền mua nhà của vợ chồng ông L. Anh T là đồng ý trả 1.000.000.000 đồng cho chị Ng sau khi anh Q sang được tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ của ông L, bà Th. Nhưng việc nhận chuyển nhượng của anh Q không đạt được do bản án của Tòa án đã tuyên Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên là vô hiệu. Việc sang tên của anh Q trong Giấy chứng nhận QSDĐ chỉ có thể thực hiện được sau khi anh Q phải trả thêm tiền cho ông L. Có nghĩa là việc bàn giao nghĩa vụ trả tiền giữa các bên là không thể thực hiện được. Nhưng do chị Ng không trả lại anh T Giấy nhận nợ. Nay, chị Ng đã khởi kiện đòi tiền anh T theo Giấy nhận nợ này là không có căn cứ vì Giấy nhận nợ không phải giấy vay tiền. Việc nhận nợ của anh T với chị Ng là phải được vợ

chồng ông L, bà Th đồng ý. Nhưng nay vợ chồng ông L, bà Th đã phản đối, nên anh T không có nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng thay cho vợ chồng ông L, bà Th. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Ng đều trình bày: Vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 đã trả hết tiền nợ cho chị Ng và bà D. Tức là việc vay nợ giữa chị Ng và vợ chồng ông L, bà Th đã giải quyết xong; ông L, bà Th không liên quan đến chị Ng nữa. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Anh Tống Xuân A trình bày: Anh là chồng của chị Lê Thị Ng, anh và Trần Thế T trước kia cùng là đồng nghiệp, công tác tại Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh không chứng kiến trực tiếp việc anh T vay tiền của chị Ng. Nhưng chị Ng cho anh biết là ngày 23/7/2018, anh T có vay của chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Số tiền chị Ng cho anh T vay tiền là tiền của vợ chồng anh. Mục đích anh T vay tiền của chị Ng là để cho anh Phạm Đình Q là em trai của anh T mua nhà đất của vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Bùi Thị Th. Anh T hẹn với chị Ng trong Giấy nhận nợ là khi anh Q được sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T sẽ trả cho chị Ng tiền. Nhưng sau khi anh Q làm xong thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T vẫn không trả tiền cho chị Ng. Nay, chị Ng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả chị Ng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 10% /năm, tính từ ngày viết Giấy nhận nợ ngày 23/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, anh nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

2. Chị Nguyễn Thanh T1 trình bày: Chị là vợ anh Trần Thế T. Sự việc anh T có viết Giấy nhận nợ với chị Lê Thị Ng số tiền là 1.000.000.000 đồng thì chị không được biết. Chị Ng là cán bộ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Chi nhánh huyện L (BIDV) nên chị Ng rất có kinh nghiệm và chuyên môn, nghiệp vụ về việc cho vay tiền, chị Ng phải hiểu rất rõ thủ tục cho vay tiền, nhưng Giấy nhận nợ mà chị Ng cung cấp thể hiện số tiền mà anh T nhận nợ với chị Ng là 1.000.000.000 đồng. Đây là số tiền rất lớn nhưng nội dung Giấy nhận nợ lại sơ sài, lủng củng. Giấy nhận nợ này có bản chất không phải là Giấy vay tiền; không có chữ ký của bên cho vay tiền, bên vay tiền và chữ ký của người làm chứng. Số tiền anh T nhận nợ với chị Ng là để anh Q (em trai của anh T) sử dụng vào việc mua nhà vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Bùi Thị Th. Theo chị thì chị Ng không cho anh T vay tiền mặt. Việc anh T nhận nợ với chị Ng chỉ có mục đích là để cho anh Q được khấu trừ số tiền số tiền trên vào số tiền mà anh Q phải trả cho vợ chồng ông L, khi anh Q mua nhà của vợ chồng ông L. Trước đó thì chị Ng và

bà D là mẹ chị Ng có cho vợ chồng ông L và bà Th vay tiền, nhưng việc cho vay tiền này lại không có Giấy biên nhận. Nay, chị Ng được biết là anh Q có nhu cầu mua nhà của vợ chồng ông L, bà Th, nên chị Ng đã yêu cầu anh T nhận nợ thay vợ chồng ông L để chị Ng ép vợ chồng ông L phải khấu trừ số tiền còn nợ chị Ng vào số tiền bán nhà. Việc chị Ng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho chị Ng 1.000.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên là không có căn cứ. Chị đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị Ng. Do công việc bận nên chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án,

Những người làm chứng đã trình bày:

1. Bà Lê Thị D đã trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lê Thị Ng. Khoảng 20 giờ ngày 23/7/2018, bà có chứng kiến việc anh T đến nhà bà hỏi vay tiền của chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Anh T đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng tiền mặt của chị Ng và tự nguyện viết và ký Giấy nợ với chị Ng. Theo bà thì việc anh T ký Giấy nhận nợ với chị Ng là không bị ai ép buộc và tại thời điểm đó thì bà thấy anh T hoàn toàn tỉnh táo, không có biểu hiện sử dụng rượu bia. Bà xin cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Anh Lê Xuân H4 đã trình bày: Anh là em trai của chị Lê Thị Ng và là con của bà Lê Thị D. Ngày 23/7/2018, anh đang ở nhà chị Ng thì thấy anh Trần Thế T đến gặp chị Ng để hỏi vay tiền. Khi đó anh T hoàn toàn tỉnh táo, không có biểu hiện sử dụng rượu bia. Chị Ng đã cho anh T vay 1.000.000.000 đồng tiền mặt, anh T đã nhận tiền và viết Giấy nhận nợ với chị Ng. Việc anh T viết và ký vào Giấy nhận nợ hoàn toàn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh xin cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai anh xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng các Điều, 134, Điều 138, Điều 140, Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ng do anh Tổng Xuân A đại diện. Buộc anh Trần Thế T do anh Phạm Đình Q đại diện phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ng do anh Tổng Xuân A là người đại diện số tiền nợ gốc là

1.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 276.644.000 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 1.276.644.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2021, anh Trần Thế T nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho chị Ng; ngày 25/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh huyện L, Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 12/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và tiền án phí dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã tính thời gian tính lãi của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Ng do anh Tống Xuân A là người đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện. Anh Trần Thế T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị.

+ Anh Trần Trần Thế T do anh Nguyễn Đình Q là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Anh T không vay tiền của chị Ng. Để chị Ng giới thiệu cho anh Q (em của anh T) mua được nhà của vợ chồng ông L, bà Th thì chị Ng yêu cầu anh T (là đồng nghiệp với anh A là chồng chị Ng) phải cam kết trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền 1.400.000.000 đồng, (do vợ chồng ông L, bà Th nợ chị Ng và nợ bà D tổng số tiền 1.400.000.000 đồng) và khi anh Q trả tiền mua nhà cho ông L, bà Th thì chị Ng sẽ ép ông L, bà Th khấu trừ số tiền 1.400.000.000 đồng vào số tiền bán nhà. Được sự đồng ý của anh Q, chị Ng, anh T đã viết giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Vợ chồng ông L, bà Th đồng ý chuyển nhượng nhà đất cho anh Q với số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền mà anh Q đã trả nợ cho Q tín dụng là 900.000.000 đồng và khấu trừ 1.400.000.000 đồng mà vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 còn nợ chị Ng và nợ bà D thì anh Q chỉ phải trả cho vợ chồng ông L 200.000.000 đồng. Anh Q cũng đã phải trả cho chị Ng số tiền mặt là 300.000.000 đồng sau khi các bên thực hiện xong Hợp đồng mua bán nhà. Theo như cam kết nhận nợ thay vợ chồng ông L thì anh Q còn phải trả cho chị Ng 100.000.000 đồng nữa. Nhưng nay vợ chồng ông L, bà Th không đồng ý bán nhà cho anh Q, không đồng ý khấu trừ số tiền nợ 1.400.000.000 đồng với chị Ng và bà D vào số tiền bán nhà. Anh Q đã phải trả thêm cho ông L, bà Th 1.650.000.000 đồng thì ông L, bà Th mới đồng ý bán nhà cho anh Q. Do việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ giữa anh T, chị Ng và vợ chồng ông L, bà Th không thành nên anh T không có nghĩa vụ trả tiền cho chị Ng.

+ Chị Lê Thị Ng do anh Tống Xuân A là chồng của chị Ng, là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng đã trình bày: Do vợ chồng ông L, bà Th nợ chị Ng và nợ bà D (mẹ chị Ng) tổng số tiền 1.400.000.000 đồng. Do vợ chồng ông L, bà Th có nguyện vọng bán nhà đất của vợ chồng ông L, bà Th tại thị trấn Ch. Ngày 23/7/2018, tại nhà bà D là mẹ đẻ của chị Ng, anh T đã viết giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Đây chỉ là cam kết của anh T với chị Ng về việc anh T sẽ trả nợ chị Ng và trả nợ cho bà D thay cho vợ chồng ông L, bà Th số tiền 1.000.000.000 đồng mà không phải là chị Ng cho anh T vay tiền. Tại Giấy nhận nợ, anh T có hẹn với chị Ng là khi anh Q được sang tên anh Q trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông L, bà Th thì anh T sẽ trả tiền cho chị Ng. Nay, anh Q đã đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh T vẫn không trả tiền cho chị Ng như hai bên đã thỏa thuận nên chị Ng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả chị Ng số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 10%/năm của số tiền trên, thời gian tính lãi tính từ ngày anh T viết Giấy nhận nợ (là ngày 23/7/2018) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Sau ngày 23/7/2018, anh T có trả cho chị Ng 300.000.000 đồng là trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà Th trong tổng số tiền 1.400.000.000 đồng mà vợ chồng ông L, bà Th còn nợ chị Ng và nợ bà D.

+ Anh Lê Xuân H4 là người làm chứng đã trình bày: Ngày 23/7/2018, anh có chứng kiến việc anh Trần Thế T viết giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Trước kia tại Tòa án cấp sơ thẩm anh đã khai về nội dung: Ngày 23/7/2018, chị Ng có cho anh T vay số tiền mặt là 1.000.000.000 đồng là không đúng.

+ Luật sư Trần Văn A1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T đã trình bày: Chị Ng không cho anh T vay tiền, giữa 2 bên không có quan hệ vay tài sản. Điều này đã được anh A là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng và người làm chứng là anh Hòa em trai của chị Ng đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Sau khi anh Q và vợ chồng ông L, bà Th ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất với số tiền 2.500.000.000 đồng, ông L, bà Th đồng ý cho anh Q khấu trừ 1.400.000.000 đồng vào số tiền bán nhà thì anh T mới đồng ý đã trả cho chị Ng số tiền 1.400.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 23/7/2018 và trong số tiền còn thiếu là 400.000.000 đồng thì anh T đã trả cho chị Ng được 300.000.000 đồng mặt. Điều này cũng được chị Ng thừa nhận tại Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện L và lời trình bày của anh A là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Nay, vợ chồng

ông L, bà Th không đồng ý bán nhà cho anh Q, không đồng ý khấu trừ số tiền nợ 1.400.000.000 đồng của chị Ng và bà D vào số tiền bán nhà. Việc anh Q được sang tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ là do anh Q đã phải trả thêm cho ông L, bà Th số tiền 1.650.000.000 đồng chứ anh Q không được ông L, bà Th khấu trừ số tiền mà ông L, bà Th nợ chị Ng và nợ bà D vào số tiền bán nhà nên anh T không đồng ý nhận trách nhiệm trả tiền cho chị Ng thay cho ông L, bà Th nữa. Do việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ giữa anh T, chị Ng và vợ chồng ông L, bà Th, chị H3, bà D không thành nên anh T không có nghĩa vụ trả tiền cho chị Ng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang dụng khoản 3, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, một phần kháng cáo của anh T: Hủy bản án sơ thẩm đã xử vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Q, vợ chồng ông L, bà Th, chị H3, bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ lọt người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của anh T không đồng ý trả tiền cho chị Ng và xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ của anh T với chị Ng ngày 23/7/2018 là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn là chị Lê Thị Ng xuất trình Giấy nhận nợ có chữ ký của anh Trần Thế T có nội dung: “*Nay tôi viết giấy này với lý do mua nhà Thê Lưu cho anh Phạm Đình Q và nhận nợ phải trả cho chị Lê Thị Ng với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn) khi sang tên sổ nhà bà Lưu Thê sang anh Phạm Đình Q tôi có trách nhiệm phải trả bà Ng số tiền như trên*”, (BL 17).

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022, chị Ng đã trình bày: Khoảng 5 giờ chiều ngày 23/7/2018, tại nhà mẹ tôi là bà Lê Thị D, anh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng của tôi cho em anh T là anh Q để anh Q mua nhà của vợ chồng ông L, bà Th. Khi đó có em trai của tôi là anh Lê Xuân H4 chứng kiến, (BL 284).

- Tại biên bản lấy lời khai, bà D là mẹ của chị Ng và anh H4 là em trai của chị Ng đã trình bày: Khoảng 20 giờ ngày 23/7/2018, bà D có chứng kiến việc anh T đến nhà bà hỏi vay tiền của chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng. Anh T đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng tiền mặt của chị Ng và tự nguyện viết và ký Giấy nợ với chị Ng, (BL 136-137).

+ Mặc dù anh T trình bày là anh T không vay tiền của chị Ng, anh T chỉ viết giấy nhận nợ với chị Ng có mục đích là để nhận trả nợ hộ vợ chồng ông L, bà Th và chị H3. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và trước khi xét xử phúc thẩm, chị Ng và anh A là chồng chị Ng là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng không thừa nhận lời trình bày của anh T và trình bày: Chị Ng có cho chị H3 con gái của ông L, bà Th 1.250.000 đồng; bà D (mẹ chị Ng) có cho chị H3 vay của 150.000 đồng. Nhưng ngày 23/7/2018, chị Ng ra Hà Nội gặp vợ chồng ông L thì vợ chồng ông L đã trả cho chị Ng tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng nên hiện nay chị H3 và vợ chồng ông L, bà Th không liên quan đến việc chị Ng cho anh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 23/7/2018.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2018 do Điều tra viên của Công an huyện L tiến hành lấy lời khai của chị Ng, chị Ng đã thừa nhận là bà Th còn nợ chị Ng 1.250.000.000 đồng, (không viết giấy biên nhận nợ); bà D là mẹ đẻ chị Ng còn cho chị H3 vay 150.000.000 đồng. Ngoài ra chị Ng còn trình bày: *“Sau khi vay tiền của tôi bà Th không có khả năng trả tiền cho tôi nên đã bán nhà cho anh Q với giá 2.500.000.000 đồng. Sau khi bán nhà cho anh Q thì anh Q nhận nhà và có trách nhiệm là trả cho tôi số tiền 1.400.000.000 đồng. Nhưng sau khi nhận nhà xong, anh Q đã trả cho tôi số tiền là 300.000.000 đồng còn lại 1.100.000.000 đồng khi nào xong thủ tục chuyển nhượng căn nhà thì anh Q sẽ trả tiền cho tôi...Khoảng tháng 7/2018, bà Th có làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà cho anh Q thì có tôi và 2 vợ chồng bà Th, chị H3 và cán bộ địa chính thị trấn Ch, cán bộ Quỹ TD thị trấn Ch, Phòng TN và MT đã chứng kiến việc chuyển nhượng căn nhà của bà Th và anh Q có trách nhiệm trả số tiền 1.400.000.000 đồng cho tôi. Vợ chồng bà Th có nhận số tiền của anh Q là 200.000.000 đồng”,* (BL 218).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Ng do anh A là người đại diện theo ủy quyền đã thay đổi lời khai và trình bày: Ngày 23/7/2018, chị Ng không cho anh T vay tiền mặt mà anh T chỉ viết Giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng là có mục đích anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà Th. Do anh T cam kết là khi anh

Q được sang tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ thì anh T phải trả tiền cho chị Ng nên anh T phải có nghĩa vụ 1 trả số tiền này cho chị Ng theo như đã cam kết;

- Anh Hòa là em trai của chị Ng đã thay đổi lời khai và trình bày: Ngày 23/7/2018, chị Ng không cho anh T vay tiền mặt mà anh T chỉ viết giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của anh A và anh Hòa là người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh T và anh Q. Theo khoản 2, Điều 92 BLTTDS thì việc thừa nhận của anh A là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng tại phiên tòa phúc thẩm là những tình tiết không cần phải chứng minh. Do vậy có căn cứ xác định ngày 23/7/2018 anh T không vay tiền của chị Ng. Việc anh T ký giấy nhận nợ với chị Ng vào ngày 23/7/2018 chỉ có mục đích là anh T nhận trách nhiệm trả nợ cho chị Ng và trả nợ cho bà D thay cho vợ chồng ông L, bà Th và chị H3.

Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án giữa chị Ng với anh T được xác định là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” mà không phải là: “Hợp đồng vay tài sản” như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

Theo anh Q và anh T đã trình bày: Việc anh T nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng với điều kiện là anh Q phải được vợ chồng ông L, bà Th khấu trừ số tiền trên vào số tiền mua nhà của vợ chồng ông L, bà Th và chị H3. Tức là việc chuyển giao nghĩa vụ giữa các bên chỉ được thực hiện với điều kiện là anh Q được vợ chồng ông L, bà Th khấu trừ số tiền 1.400.000.000 đồng vào số tiền mà anh Q phải trả cho vợ chồng ông L, bà Th khi anh Q nhận chuyển nhượng nhà và đất của vợ chồng ông L, bà Th ở thị trấn Ch, huyện L.

Như vậy, có thể khẳng định việc bàn giao nghĩa vụ trả tiền giữa các bên là phải có điều kiện. Việc anh T đồng ý nhận nợ với chị Ng (hay là anh T đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng và trả nợ cho bà D thay cho vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 với điều kiện là vợ chồng ông L, bà Th phải khấu trừ số tiền nhận nợ của anh T này vào số tiền bán nhà khi vợ chồng ông L, bà Th bán nhà và đất cho anh Q).

Theo Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 23/7/2018 được ký kết giữa người chuyển nhượng là vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 với người nhận chuyển nhượng là anh Q thì vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 đã đồng ý khấu trừ tổng số tiền nợ với chị Ng và nợ bà D là 1.400.000.000 đồng vào số tiền bán nhà.

Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông L, bà Th đã làm đơn khởi kiện đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 23/7/2018, tức là vợ chồng ông L, bà Th

đã phản đối việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng và trả nợ cho bà D từ vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 sang cho anh Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DSST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: “Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa các bên là vô hiệu, buộc vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 phải trả cho anh Q 1.100.000.000đ và bồi thường thiệt hại cho anh Q 865.912.500 đồng, tổng số tiền là: 1.965.912.500đ; buộc anh Q phải trả cho ông L Giấy chứng nhận QSDĐ”, (BL 43-55). Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự kháng cáo. Ngày 20/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thụ lý vụ án để giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ngày 29/4/2020, giữa ông L, anh Q và một số người liên quan khác đã lập Văn bản thỏa thuận có nội dung: Vợ chồng ông L sẽ đồng ý chuyển nhượng nhà và đất cho anh Q với điều kiện là anh Q phải trả thêm số tiền 1.650.000.000 đồng cho vợ chồng ông L, bà Th, (ngoài số tiền mà anh Q đã trả cho Quỹ tín dụng là 900.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng mà anh Q đã trả cho ông L, bà Th), (BL 60-64). Đến ngày 15/5/2020, anh Q đã trả đủ cho vợ chồng ông L số tiền 1.650.000.000 đồng, (BL 60). Do vậy ngày 29/4/2020, ông L đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và ngày 06/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2020/QĐ-PT, (BL 42). Từ đó ngày 21/5/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã đính chính tên anh Q tại trang 4 của Giấy chứng nhận QSD Đ mang tên ông Nguyễn Đình L, (BL 193).

Như vậy, việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ giữa các bên là không thể thực hiện được. Do vợ chồng ông L, bà Th đã phản đối việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ này.

Có nghĩa là việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ giữa các bên đã không thành do Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất giữa các bên đã bị Tòa án nhân dân huyện L hủy (theo bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DSST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L). Để sang tên được nhà và đất của vợ chồng ông L, bà Th, ngoài số tiền anh Q đã trả cho Quỹ tín dụng 900.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng mà anh Q đã trả cho ông L, bà Th thì anh Q đã phải trả thêm 1.650.000.000 đồng cho vợ chồng ông L, bà Th.

Hơn nữa, theo khoản 1 và khoản 2, Điều 365 Bộ luật dân sự 2015 quy định về chuyển giao quyền yêu cầu như sau: *“Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận...Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người có*

quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ”.

Theo Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định về Chuyển giao nghĩa vụ như sau: “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”;

Ngày 23/7/2018, anh T viết Giấy nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng, tức anh T đồng ý nhận trả nợ cho chị Ng và trả nợ cho bà D thay cho vợ chồng ông L, bà Th, chị H3. Tại Giấy nhận nợ có nêu về điều kiện anh T trả nợ thay đó là: Khi anh Q được sang được tên trong bìa đỏ sau khi anh Q mua được nhà của vợ chồng ông L, bà Th. Nhưng những nội dung mà anh T và chị Ng thỏa thuận lại không được vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 đồng ý ký vào văn bản thể hiện việc vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 đồng ý “Chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ” tức là bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng, bà D cho người thế nghĩa vụ là anh T; những nội dung này cũng chưa được bà D ký vào văn bản đồng ý “Chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền” là chị Ng. Theo quy định của Điều 365 và Điều 370 của BLDS như đã viện dẫn ở trên thì việc thỏa thuận giữa chị Ng và anh T về việc anh T nhận trả nợ cho chị Ng và trả nợ cho bà D số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 23/7/2018, tức là anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D thay cho vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 nhưng không được vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 và bà D đồng ý nên Giấy nhận nợ này là không có giá trị pháp lý.

Do vậy bản án sơ thẩm đã cho rằng anh T đã vay tiền của chị Ng nên bản án đã buộc anh T phải trả tiền cho chị Ng là không có cơ sở.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Ng không thừa nhận việc anh T viết giấy nhận trả nợ cho chị Ng và bà D thay cho vợ chồng ông L và chị H3, để anh Q được khấu trừ tiền số tiền mà anh T đã nhận nợ với chị Ng vào số tiền mua nhà của vợ chồng ông L.

Theo quy định của khoản 4, Điều 68 BLTTDS thì trường hợp giải quyết việc dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có au đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa anh Q, vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 và bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của khoản 4, Điều 68 BLTTDS như đã viện dẫn ở trên.

Nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị Ng do anh A là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng đã thừa nhận là ngày 23/7/2018, chị Ng không cho anh T vay tiền, anh T chỉ nhận nợ với chị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng thay cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông L, bà Th và chị H3 đối với chị Ng và bà D; Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L với bị đơn là anh Phạm Đình Q ở Tòa án nhân dân huyện L và trong vụ án này, chị Ng luôn luôn thừa nhận: Hiện nay việc vay mượn tiền giữa chị Ng, bà D với vợ chồng ông L, bà Q, chị H3 đã được giải quyết xong cụ thể là:

- Tại vụ án tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L với bị đơn là anh Phạm Đình Q ở Tòa án nhân dân huyện L, tại Đơn đề ngày 24/10/2019, chị Ng đã trình bày: *“Vào tháng 01/2018, ông L, bà Th hỏi tôi cho vay số tiền 1.250.000.000 đồng. Do nể nang quen biết, tôi đã cho ông L, bà Th vay số tiền trên không tính lãi suất. Khoảng gần cuối tháng 7/2018, gia đình ông L thông báo sẽ bán nhà đất cho anh Q và hôm đó sẽ trả nợ số tiền vay đó luôn cho tôi. Khi 2 bên tiến hành mua bán, tôi có mặt theo hẹn tại Hà Nội và đã nhận đủ số tiền vay 1,25 tỷ và nhận hộ 150 triệu đồng trả nợ cho mẹ tôi (Nguyễn Thị Dăm) từ chính tay gia đình ông L (đây chính là số tiền anh Q trả cho việc mua bán nhà đất từ gia đình ông L)”*, (BL 301 trong Hồ sơ vụ án tranh chấp HĐCN QSDĐ giữa ông L và anh Q đã được sao lưu tại vụ án này).

- Trong vụ án này, tại biên bản đối chất ngày 31/3/2021, anh A là chồng chị Ng, là người đại diện theo ủy quyền của chị Ng đã khai: *“chị Ng đã nhận số tiền 1.400.000.000 đồng từ ông L- bà Th”*, (BL 122); Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022, chị Ng đã khai: *“Ngày 23/7/2018 tại Hà Nội, vợ chồng ông L trả cho tôi 1.400.000.000 đồng còn vợ chồng ông L lấy tiền ở đâu để trả cho tôi thì tôi không biết”*, (BL 280).

Hội đồng xét xử xét thấy: Với những tình tiết đã nêu ở trên thì không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để đưa anh Q, vợ chồng ông L, bà Th, chị H3, bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa. Bởi lẽ, việc hủy bản án sơ thẩm để đưa những người trên vào tham gia tố tụng chỉ là kéo dài vụ án mà không thay đổi được bản chất của sự việc. Xét thấy chỉ cần sửa

bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng cũng là đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Nếu sau này giữa chị Ng, bà D và vợ chồng ông L, bà Th, chị H3 có tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản thì những người này có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tính tiền án phí dân sự sơ thẩm và tính tiền lãi của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 23/7/2028 là không đúng mà phải tính tiền lãi từ ngày 21/5/2020, (ngày anh Q được sang tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ, BL 192) thì thấy: Theo sự phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bác yêu cầu khởi kiện của chị Ng. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

Theo khoản 1, Điều 147 BLTTDS, chị Ng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của chị Ng không được Tòa án chấp nhận, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án được tính như sau:

$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 200.000.000 \text{ đồng} = 42.000.000 \text{ đồng}.$

Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế T, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 134, Điều 138, Điều 140, Điều 166, Điều 357, Điều 365; Điều 370; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2, Điều 92; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ng về việc yêu cầu anh Trần Thế T phải trả cho chị Ng số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên theo Giấy nhận nợ đề ngày 23/7/2018.

+Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ng phải nộp 42.000.000 đồng, (bốn mươi hai triệu đồng án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Lê Thị Ng do anh Tống Xuân A là người đại diện theo ủy quyền đã nộp 21.000.000 đồng, (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0001632 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị Ng còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là: 21.000.000 đồng, (hai mươi một triệu đồng chẵn).

+Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho anh Trần Thế T 300.000đ tiền án tạm ứng phí DSPT mà anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010307 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án huyện L.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Thị Hương Giang

Phạm Thị Minh Hiền